

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của UBND Thành phố)

STT	Danh mục tài sản	Chi tiêu về số lượng				Chi tiêu về hiện vật				Chi tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (***)	-				-				142	142				
1.1	Đất	Khuôn viên	1			-	303					1		1	
1.1.1	Đất trụ sở làm việc	Khuôn viên				m2									
1.1.2	Đất công trình sự nghiệp	Khuôn viên	1			m2	303					1		1	
1.2	Nhà	Cái	109	106		-	64.141	57.420		109	109	3	106	104	5
1.2.1	Biệt thự, công trình đặc biệt	Cái				m2									
1.2.2	Nhà cấp I	Cái				m2									
1.2.3	Nhà cấp II	Cái				m2									
1.2.4	Nhà cấp III	Cái	45	45		m2	51.721	46.180		45	45		45	45	
1.2.5	Nhà cấp IV	Cái	64	61		m2	12.419	11.239		64	64	3	61	59	5
1.3	Vật kiến trúc	Cái	22	20		-				22	22	2	20	22	
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	Cái	5	5		-				5	5		5	5	
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	Cái	4	4		-				4	4		4	4	
1.3.3	Vật kiến trúc khác	Cái	13	11		-				13	13	2	11	13	
1.4	Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực	Công trình	11	10		-				11	11	1	10	11	
1.5	Công trình xây dựng khác	Công trình				-									
2	Xe ô tô	Cái				-				7	7				
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh	Cái				-									
2.1.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái				-									
2.1.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	Cái				-									
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	Cái	7	7		-				7	7		7	5	2
2.2.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái	5	5		-				5	5		5	3	2
2.2.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	Cái	2	2		-				2	2		2	2	
2.2.3	Xe ô tô 9-12 chỗ ngồi	Cái				-									
2.2.4	Xe ô tô 13-16 chỗ ngồi	Cái				-									
2.2.5	Xe ô tô bán tải	Cái				-									
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	Cái				-									
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	Cái				-									
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	Cái				-									
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	Cái				-									
2.3.4	Xe ô tô tải	Cái				-									
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	Cái				-									
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cái				-									
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	Cái				-				5	5				
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	Cái	5	5		-				5	5		5	5	
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	Cái				-									
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	Cái				-									
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	Cái				-									
3.5	Phương tiện vận tải khác	Cái				-									
4	Máy móc, thiết bị	Cái				-				281	281				
4.1	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	Cái	118	118		-				118	118		118	107	11
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái	133	133		-				132	132		133	123	10
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Cái	31	30		-				31	31	1	30	31	
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	Cây/Con/Vườn				-									
5.1	Các loại súc vật	Con				-									
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	Cây/Vườn				-									

